TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11-7-2019
"*V/v Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Sơn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thanh Nga

2. Ông Trần Văn Tam

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Anh Hào – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà:*** Ông Nông Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLST–HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

**Bị đơn*: ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

(*Các đương sự vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà D và ông K kết hôn với nhau năm 2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm ăn ở Tổ dân phố 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm và đã sống ly thân khoảng 8 năm nay.

Nay bà D thấy vợ chồng không hợp tính nhau, hiện vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau, bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà D và ông K được ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 10/12/2003. Khi ly hôn bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông K thừa nhận lời trình bày của bà D là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian sinh sống ở nước ngoài, vì hoàn cảnh ông K phải về nước trước còn bà D ở lại về sau. Nhưng sau đó do điều kiện làm ăn, kinh tế tốt hơn nên bà D quyết định ở lại. Ông K về Việt Nam từ năm 2010 và cũng từ đó vợ chồng xa cách nhau dẫn đến tình cảm ngày càng mờ nhạt. Nay bà D yêu cầu ly hôn thì ông Kha không đồng ý mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 10/12/2003. Khi ly hôn ông K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo, công bố biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Nguyễn Văn K; giao con chung Nguyễn Thùy L, sinh ngày 10/12/2003 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, bà D không yêu cầu ông Kha cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập; về nợ chung: các đương sự đều trình bày không có nợ chung nên đề nghị không xem xét; bà D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Tòa án nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Xuất phát từ việc vợ chồng mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống nên bà Nguyễn Thị D xin ly hôn với với ông Nguyễn Văn K; vì vậy đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn"* theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông K tham gia phiên tòa nhưng ông K vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn K tự nguyện sống chung và kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn C), huyện C đăng ký kết hôn năm 1997, đây là hôn nhân hợp pháp. Bà D xin ly hôn vì lý do vợ chồng bất đồng quan điểm hay xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân hơn 8 năm nay và vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau; ông Kha không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông K đã xảy ra các bên không có biện pháp nào cải thiện tình cảm vợ chồng mà để mặc mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống như vậy mục đích hôn nhân giữa bà D và ông K không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà D, cho bà D được ly hôn ông K là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: bà D, ông K có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 10/12/2003. Khi ly hôn các đương sự đều có nguyện vọng nuôi con, tuy nhiên cháu L có nguyện vọng ở với mẹ vì vậy cần giao cháu Linh cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; về cấp dưỡng nuôi con: bà D không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà D, ông K trình bày không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí: Bà D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 27, 30, 37, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc "Ly hôn" ông Nguyễn Văn K.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Nguyễn Văn K.

[2] Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 10/12/2003 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng cho con: Bà D không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010753 ngày 09 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hứa Sơn Tùng